

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/DS-ST
Ngày 03-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Oanh Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hữu Nghĩa;

Ông Nguyễn Văn Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 8 và ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyên, sinh năm 1971, HKTT: ấp Tân Hoà, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nay là ấp Tân Hoà, xã Tân Lập, tỉnh Tây Ninh; cư trú hiện nay: ấp Tân Thanh, xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nay là ấp Tân Thanh, xã Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Thuỷ, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Thành Được, sinh năm 1989, cùng cư trú tại: ấp Tân Minh, xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nay là ấp Tân Minh, xã Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Tuyên trình bày:

Ngày 01/10/2024, chị Lê Thị Thủy có vay của bà số tiền 6.000.000 đồng, hai bên có viết “Giấy nhận tiền”, chị Thủy ký tên. Đến ngày 11/10/2024, chị Thủy và anh Được vay thêm của bà 32.000.000 đồng, viết “giấy cam kết mượn tiền”, thỏa thuận trả tiền gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng vào ngày 10 âm lịch đến khi hết nợ thì không tính lãi. Nếu chị Thủy không trả theo thỏa thuận thì phải chịu tiền lãi 2%/tháng, tính từ ngày ký giấy mượn. Nội dung hai giấy nợ do bà viết, chị Thủy và anh Được đọc và ký tên, mục đích vay tiền để xoay sở lo cho gia đình. Đến hẹn chị Thủy, anh Được không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nên bà yêu cầu vợ chồng chị Lê Thị Thủy, anh Nguyễn Thành Được trả số tiền nợ gốc 38.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi 1.551.000 đồng.

Chị Thủy có tham gia 01 phần trong dây hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 09/09/2024 (âm lịch) do bà làm chủ thảo, hụi 17 phần, chị Thủy hốt kỳ khai hụi đầu tiên. Bà đã đăng hụi cho chị Thủy đầy đủ. Sau khi hốt hụi, chị Thủy đóng hụi chết được 02 kỳ là 4.000.000 đồng thì ngưng đóng. Tiền nợ hụi giữa bà và chị Thủy hoàn toàn không có làm giấy tờ. Bà không khởi kiện chị Thủy do hụi chưa mãn, khởi kiện sẽ ảnh hưởng uy tín của bà và dây hụi này. Bà xác định tiền nợ hụi không liên quan đến khoản vay 32.000.000 đồng bà khởi kiện như chị Thủy trình bày.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Lê Thị Thủy trình bày:

Ngày 01/10/2024, chị có vay của bà Tuyên số tiền 6.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày có làm giấy vay, nhưng do bề hụi nên không có khả năng trả. Chị đồng ý trả cho bà Tuyên số tiền vay 6.000.000 đồng.

Chị có tham gia 01 phần trong dây hụi 2.000.000 đồng do bà Tuyên chủ thảo, 1 tháng khai 1 lần, lần đầu khai ngày 11/10/2024 (tức ngày 09/09/2024 âm lịch), chị hốt đầu được 22.400.000 đồng, trừ tiền còn 800.000 đồng, được nhận 21.600.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Sau khi hốt hụi chị đóng được 2 kỳ hụi chết 4.000.000 đồng, hai bên không lập giấy nợ. Bà Tuyên khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay 32.000.000 đồng thực tế tiền hụi chết của dây hụi này. Chị xác định hai vợ chồng chị không ký giấy nợ ngày 11/10/2024. Ngoài 02 khoản nợ nêu trên chị không nợ bà Tuyên khoản tiền nào khác. Số tiền 32.000.000 đồng là tiền hụi nhưng bà Tuyên khởi kiện tiền vay nên chị không đồng ý trả.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Nguyễn Thành Được trình bày:

Anh và chị Thủy là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Anh chỉ nhớ chị Thủy có kêu anh đến nhà bà Tuyên ký giấy nợ để nhận tiền. Chị Thủy trực tiếp dẫn anh đến nhà bà Tuyên và đưa anh 01 tờ giấy nợ, anh nhìn thấy đã có sẵn chữ ký của chị Thủy nên anh ký và viết họ tên của mình mà không đọc nội dung. Anh không biết chị Thủy nợ bà Tuyên bao nhiêu tiền, nợ tiền gì. Trong thời gian chung

sống chị Thuỷ vay tiền, chơi hội có sử dụng để lo cho con chung và chi phí cho gia đình. Anh đồng ý cùng chị Thuỷ có trách nhiệm trả số tiền 32.000.000 đồng theo giấy nợ anh đã ký tên. Số tiền vay 6.000.000 đồng anh không ký tên vào giấy nợ nên không đồng ý chịu trách nhiệm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu tính tiền lãi cho cả 02 khoản vay từ khi vay đến nay với mức lãi suất 0.83%/tháng, tổng cộng tiền lãi là 1.500.000 đồng.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Tuyên đối với bà Lê Thị Thủy, ông Nguyễn Thành Được về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hội”: Buộc bà Lê Thị Thủy, ông Nguyễn Thành Được có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tuyên số tiền 34.541.160 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyên đòi bà Lê Thị Thủy, ông Nguyễn Thành Được trả số tiền 4.958.840 đồng. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyên, bà Lê Thị Thủy, ông Nguyễn Thành Được chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Thành Được, chị Lê Thị Thuỷ là bị đơn trong vụ án vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Được, chị Thuỷ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết

Bà Nguyễn Thị Tuyên khởi kiện anh Nguyễn Thành Được và chị Lê Thị Thuỷ yêu cầu trả cho bà số tiền nợ vay gốc 38.000.000 đồng và yêu cầu tính

tiền lãi. Chị Thuỷ trình bày số tiền 6.000.000 đồng là tiền vay và 32.000.000 đồng là tiền nợ hụi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng góp hụi”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

[3] Về nội dung

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyên yêu cầu anh Nguyễn Thành Được, chị Lê Thị Thuỷ trả tiền nợ vay gốc là 38.000.000 đồng và tiền lãi 1.500.000 đồng, thấy rằng:

Chị Thuỷ thừa nhận vào ngày 01/10/2024, có vay của bà Tuyên số tiền 6.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày, nếu không trả đúng hạn sẽ trả lãi 2%/tháng, chị Thuỷ có ký tên vào giấy vay tiền đúng như bà Tuyên trình bày, đây là các tình tiết được đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh nên có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn và có lãi suất. Chị Thuỷ thừa nhận kể từ khi vay đến nay chưa trả khoản tiền nợ gốc, lãi cho bà Tuyên. Như vậy, chị Thuỷ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định Điều 466, 468 Bộ luật dân sự nên bà Tuyên yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc chị Thuỷ có trách nhiệm trả nợ gốc 6.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận vay: $6.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \text{ tháng} \times 11 \text{ tháng} 03 \text{ ngày}$ (từ ngày 01/10/2024 đến khi xét xử ngày 03/9/2025 là 11 tháng 03 ngày) = 553.000 đồng (làm tròn), tổng cộng là 6.553.000 đồng.

Anh Được trình bày không biết nên không đồng ý chịu trách nhiệm về khoản vay này. Tuy nhiên, xét thấy mục đích chị Thuỷ vay tiền là để làm ăn và chăm lo cuộc sống gia đình, anh Được trình bày quá trình chung sống chị Thuỷ cũng cùng anh lo kinh tế chi tiêu trong gia đình, chăm sóc con chung. Do đó, căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình, buộc anh Được có nghĩa vụ cùng chị Thuỷ trả cho bà Tuyên số tiền nợ gốc và lãi 6.553.000 đồng.

Đối với số tiền 32.000.000 đồng, xét chứng cứ mà bà Tuyên cung cấp là giấy cam kết mượn tiền ngày 11/10/2024 có chữ ký, viết họ tên của chị Thuỷ và anh Được. Chị Thuỷ không thừa nhận chữ viết, ký họ tên của mình tuy nhiên tại Kết luận giám định số 814/KL-KTHS ngày 10/6/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận chữ ký và chữ viết “Lê Thị Thuỷ” trên giấy cam kết là chữ ký và chữ viết của chị Thuỷ. Do đó, có cơ sở xác định tại thời điểm viết giấy nợ anh Được, chị Thuỷ nợ bà Tuyên số tiền 32.000.000 đồng là có thật. Tuy nhiên, chị Thuỷ trình bày là đây tiền nợ hụi chết của dây hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 09/9/2024 (âm lịch) không phải tiền vay. Qua xem xét, đánh giá một cách khách quan và toàn diện lời khai, chứng cứ do các bên cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: giữa chị Thuỷ và bà Tuyên chỉ là hàng xóm không có quan hệ thân thiết, từ trước đến nay giữa các bên chưa từng có giao dịch làm ăn, tiền bạc nào, chị Thuỷ mới tham gia chơi hụi của bà Tuyên lần đầu nhưng cùng 01 ngày bà Tuyên vừa cho chị Thuỷ hót đầu trong dây hụi

2.000.000 đồng, đồng thời cho chị Thuỷ, anh Được vay số tiền lớn hơn số tiền hốt hui là không hợp lý. Bà Tuyên cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh có giao nhận số tiền vay 32.000.000 đồng. Đồng thời, xét nội dung thoả thuận trong giấy cam kết mượn tiền thể hiện, ngày viết giấy cam kết mượn tiền là ngày 11/10/2024 cũng là ngày chị Thuỷ hốt hui, số tiền vay 32.000.000 đồng hoàn toàn trùng khớp với số tiền hui chết chị Thuỷ phải đóng sau khi hốt là 16 kỳ x 2.000.000 đồng = 32.000.000 đồng, cách thức trả tiền theo thoả thuận là trả 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, cũng phù hợp với nghĩa vụ đóng hui chết của hui viên sau khi lĩnh hui. Do đó, lời trình bày của chị Thuỷ về số tiền 32.000.000 đồng ghi trong giấy nợ ngày 11/10/2024 là tiền nợ hui chết chị Thuỷ có nghĩa vụ đóng sau khi hốt hui là phù hợp và có cơ sở chấp nhận.

Bà Tuyên và chị Thuỷ đều xác định sau khi hốt hui, chị Thuỷ đóng được 02 kỳ hui chết là 4.000.000 đồng, hiện còn nợ bà Tuyên 32.000.000 đồng – 4.000.000 đồng = 28.000.000 đồng. Chị Thuỷ đã vi phạm nghĩa vụ góp hui của hui viên sau khi hốt hui. Căn cứ quy định tại Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hộ, hui, biêu, phường buộc chị Thuỷ, anh Được phải trả cho bà Tuyên số tiền nợ hui là 28.000.000 đồng và tiền lãi đối với phần hui không góp là 562.000 đồng (tính từ kỳ khai hui thứ 4 ngày 11/01/2025 đến nay tức ngày 03/9/2025 với lãi suất 0.83%/tháng), tổng cộng gốc và lãi là 28.000.000 đồng + 562.000 đồng = 28.562.000 đồng.

Từ những phân tích, nhận định trên, căn cứ các điều 463, khoản 4 Điều 466, 468, 470, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hộ, hui, biêu, phường; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận một phần yêu cầu của bà Tuyên buộc anh Được, chị Thuỷ trả số tiền 6.553.000 đồng + 28.562.000 đồng = 35.115.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Tuyên yêu cầu chị Thuỷ, anh Được trả số tiền 39.500.000 đồng – 35.115.000 đồng = 4.385.000 đồng.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc anh Nguyễn Thành Được, chị Lê Thị Thuỷ phải chịu: 35.115.000 đồng x 5% = 1.756.000 đồng (tính tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tuyên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận (39.500.000 đồng – 35.115.000 đồng = 4.385.000 đồng).

[4] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí trưng cầu giám định 4.820.000 đồng đã được bà Tuyên tạm ứng, do yêu cầu giám định của bà Tuyên là có căn cứ nên chị Thuỷ, anh Được phải chịu chi phí trưng cầu giám định theo quy định

tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc chị Thuỷ, anh Được có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tuyên chi phí trưng cầu giám định là 4.820.000 đồng.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về các vấn đề liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, khoản 4 Điều 466, 468, 470, 471 Bộ luật dân sự; Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hộ, hội, biểu, phường; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyên đối với anh Nguyễn Thành Được và chị Lê Thị Thuỷ về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội”.

Buộc anh Nguyễn Thành Được và chị Lê Thị Thuỷ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyên số tiền nợ vay gốc 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và tiền lãi 553.000 đồng (năm trăm năm mươi ba nghìn đồng), tổng cộng là 6.553.000 đồng (sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Thành Được và chị Lê Thị Thuỷ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyên số tiền nợ hội 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) và tiền lãi 562.000 đồng (năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng), tổng cộng 28.562.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyên yêu cầu anh Nguyễn Thành Được và chị Lê Thị Thuỷ trả số tiền vay 4.385.000 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác: anh Nguyễn Thành Được, chị Lê Thị Thuỷ phải chịu 1.756.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Tuyên phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ với số tiền 989.000 đồng (chín trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002122 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh

Tây Ninh. Bà Tuyên được nhận lại số tiền chênh lệch là 689.000 đồng (sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Về chi phí trưng cầu giám định: Buộc anh Nguyễn Thành Được, chị Lê Thị Thủy có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tuyên số tiền 4.820.000 (bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Oanh Kiều